TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **354**/2025/QĐST-HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 01 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số: 337/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Lê Thị T**, sinh năm 1990.
Địa chỉ: Thôn 7, phường N, tỉnh Thanh Hoá.
- *Bị đơn:* Anh **Phương Thanh T**, sinh năm 1991.
Địa chỉ: Thôn Đồng Ván, xã B, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị T và anh Phương Thanh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 13 do UBND xã T, huyện S (sau sáp nhập là UBND xã B), tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 09/5/2022.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao con chung là Phương Lê Hoài A, sinh ngày 12/9/2022 cho chị Lê Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phương Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Lê Thị T và anh Phương Thanh T đều xác định không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Chị Lê Thị T và anh Phương Thanh T đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Lê Thị T tự nguyện nộp 150.000 đ *(một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001289 ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang; trả lại cho chị Lê Thị T số tiền 150.000đ *(một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Anh Phương Thanh T không phải nộp án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 1 - Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã B, tỉnh Tuyên Quang
- Các đương sự;
- Lưu.

Vương Thị Lan